



# Sự cần thiết xây dựng chế định về Công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam

Nguyễn Văn Lâm\*

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Số 1, Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận 06 tháng 11 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 05 tháng 12 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 12 năm 2018

**Tóm tắt:** Sự ra đời và phát triển các loại hình công ty có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế thị trường và đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân. Vì vậy, chế định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp luôn là trung tâm trong hệ thống pháp luật kinh doanh của mỗi quốc gia. Các nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng của pháp luật Việt Nam hiện nay khi quy định chế định về các loại hình doanh nghiệp chưa bao quát được các loại hình công ty đã ra đời, phát triển trên thế giới và đã có trong lịch sử pháp luật của Việt Nam. Trong đó, có thể kể đến loại hình công ty hợp vốn cổ phần đã bị pháp luật lãng quên trong quy định hiện hành. Bài viết sau, sẽ phân tích và lý giải sự cần thiết phải xây dựng chế định công ty hợp vốn cổ phần bổ sung vào pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ty hợp vốn cổ phần; Luật Doanh nghiệp; quyền tự do kinh doanh.

## 1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của công ty cổ phần

### 1.1. Khái niệm công ty hợp vốn cổ phần

Công ty hợp vốn cổ phần được pháp luật của nhiều các quốc gia trên thế giới quy định, theo đó, loại hình công ty này là một sự kết hợp giữa các đặc điểm nổi bật của công ty hợp vốn đơn giản và công ty cổ phần. Ở Đức, công ty hợp vốn cổ phần được hiểu là một hình thức pháp lý có chứa các yếu tố của hợp danh hữu hạn và công ty cổ phần. Trong đó, “các thành viên hợp danh có trách nhiệm và quản lý không bị giới hạn và các nhóm khác - cổ đông - trách

nhệm được giới hạn trong phần đóng góp của họ” [1]. Cụ thể, theo Điều 278 Luật công ty cổ phần của Đức quy định: “*Công ty hợp vốn cổ phần là một loại hình công ty, trong đó ít nhất một thành viên chịu trách nhiệm vô hạn đối với các chủ nợ của công ty (thành viên hợp danh) và các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của công ty (cổ đông hạn chế) trong phạm vi số cổ phần mà họ sở hữu*” [2].

Ở Pháp, công ty hợp vốn cổ phần có nhiều điểm vừa giống với công ty cổ phần, vừa giống với công ty hợp vốn đơn giản được quy định trong Bộ luật thương mại từ Điều L. 226-1 đến Điều L.226-24. “*Công ty hợp vốn cổ phần là công ty có vốn được chia thành các cổ phần, được thành lập bởi một hoặc nhiều thành viên hợp danh, thành viên này có tư cách thương nhân và chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với nghĩa*

\*ĐT.: 84-988614612.

Email: lam.nguyenvan@hust.edu.vn.

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4179>

vụ trả nợ của công ty, và thành viên hợp vốn có tư cách của các cổ đông và chịu thiệt hại chỉ trong phạm vi vốn góp của họ. Số lượng thành viên hợp vốn không được ít hơn ba thành viên” (Điều L.226-1) [3].

Ở Luxembourg, loại hình Công ty hợp vốn cổ phần (Société en commandite par actions, SCA) là một công ty, “bao gồm ít nhất hai loại cổ đông, cụ thể là một cổ đông chịu trách nhiệm pháp lý vô hạn (thành viên hợp danh) và một cổ đông có trách nhiệm hữu hạn, chịu trách nhiệm pháp lý đối với các khoản nợ của công ty (SCA) chỉ trong phạm vi tương ứng với khoản đóng góp của mình” [4].

Theo pháp luật của Ba Lan, công ty hợp vốn cổ phần được khái niệm là một loại hình công ty, “trong đó ít nhất có một thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn về nghĩa vụ của công ty và có ít nhất một thành viên là cổ đông” (Điều 125) [5].

Ở Tây Ban Nha, công ty hợp vốn cổ phần là loại hình doanh nghiệp phát sinh từ nhu cầu xã hội, trong đó có hai loại thành viên cùng tồn tại. Một loại gồm những người chịu trách nhiệm cá nhân, với trách nhiệm vô hạn đó là thành viên hợp danh và các hợp danh hạn chế có trách nhiệm pháp lý giới hạn đối với lợi ích của họ trong công ty.

Như vậy, công ty hợp vốn cổ phần được hiểu là một loại công ty kết hợp giữa công ty hợp vốn đơn giản và công ty cổ phần. Công ty có hai loại thành viên là: Thành viên hợp danh (thành viên nhận vốn) có cổ phần trong công ty, nhưng lại có tư cách thương nhân phải chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới với các thành viên hợp danh khác đối với các nghĩa vụ trả nợ của công ty. Thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi giá trị cổ phần thành viên đó sở hữu. Vốn điều lệ công ty được chia thành các cổ phần bằng nhau.

### 1.2. Các đặc điểm pháp lý của công ty hợp vốn cổ phần

Bởi công ty hợp vốn cổ phần vừa mang những đặc tính ưu việt của công ty hợp vốn đơn giản và của công ty cổ phần, vì thế, loại hình

công ty này sẽ đưa ra thêm sự lựa chọn đáp ứng nhu cầu của những nhà kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Các đặc điểm pháp lý nổi bật của công ty hợp vốn cổ phần như:

*Thứ nhất, Công ty hợp vốn cổ phần có hai loại thành viên, bao gồm: thành viên hợp danh và thành viên hợp vốn*

*Thành viên hợp danh:* Về số lượng thành viên hợp danh, ở mỗi quốc gia có những quy định khác nhau về số lượng tối thiểu, không có quy định số lượng tối đa. Về số lượng tối thiểu của thành viên hợp danh, theo Luật công ty cổ phần Đức, thì “công ty hợp vốn cổ phần phải có ít nhất hai thành viên hợp danh”. Ở Pháp, thì “Công ty hợp vốn cổ phần được thành lập bởi một hoặc nhiều thành viên hợp danh” (Điều L.226-1). Ở Bulgaria, “công ty hợp vốn cổ phần có số lượng thành viên chịu trách nhiệm vô hạn ít nhất là hai thành viên”.

Mặc dù có sự khác về số lượng tối thiểu của thành viên hợp danh ở trong quy định pháp luật các nước, nhưng các nước đều quy định tương đồng nhau về quyền, nghĩa vụ (trách nhiệm) của thành viên hợp danh trong công ty. Chẳng hạn như sau:

*Một là,* thành viên hợp danh có tư cách thương nhân, phải chịu trách nhiệm vô hạn, liên đới đối với các nghĩa vụ trả nợ của công ty. Tư cách nhân thân của những thành viên hợp danh rất quan trọng trong công ty hợp vốn cổ phần. Do tính chất liên kết chịu trách nhiệm vô hạn, các thành viên hợp danh của công ty phải có sự hiểu biết rõ về nhân thân của nhau, tin tưởng nhau. Loại hình công ty này được các nhà kinh doanh ưu thích hơn là một mình tiến hành các hoạt động kinh doanh.

*Hai là,* thành viên hợp danh có quyền tham gia quản lý công ty. Chỉ có thành viên hợp danh mới có quyền tham gia hoạt động điều hành và quản lý công ty. “Ở Pháp, trong loại công ty hợp vốn, những người quản lý bao giờ cũng được chỉ định trong số thành viên nhận vốn, còn các thành viên xuất vốn thì không thể trở thành người quản lý được” [6].

*Ba là,* tất cả các thành viên hợp danh đều có quyền đại diện cho công ty tham gia các giao

dịch với bên thứ ba. Các giao dịch của thành viên hợp danh đều làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ cho công ty đối với bên thứ ba. Các thành viên hợp danh dù với tư cách đại diện cho công ty hoặc với tư cách cá nhân tham gia các giao dịch trong các lĩnh vực mà công ty hoạt động thì đều phát sinh các quyền và nghĩa vụ đối với công ty.

*Bốn là*, thành viên hợp danh có thể có hoặc không có cổ phần trong công ty. Trong trường hợp có cổ phần họ có đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông của công ty.

Thành viên góp vốn: Công ty hợp vốn cổ phần trong đó *“các thành viên xuất vốn có các quyền có thể được chuyển nhượng tức là các cổ phần, tình trạng của thành viên xuất vốn gần giống như tình trạng các cổ đông trong công ty cổ phần...”* [7].

Theo pháp luật của Pháp, thì số lượng thành viên hợp vốn không được ít hơn ba thành viên (Điều L.226-1). Theo pháp luật Đức, công ty phải có ít nhất 1 cổ đông (thành viên góp vốn). Theo pháp luật Ba Lan, có ít nhất một thành viên là cổ đông (Điều 125 Luật công ty thương mại).

Về tư cách, quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn được thể hiện như:

+ Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp vào công ty với những nghĩa vụ tài chính của công ty.

+ Thành viên góp vốn không được tham gia quản lý công ty và không được nhân danh công ty tham gia các giao dịch với bên thứ ba.

+ Thành viên góp vốn có quyền tham gia vào hoạt động kiểm soát nội bộ, là thành viên Hội đồng giám sát, được chỉ định bởi đại hội đồng thành viên và chỉ bao gồm các thành viên hợp vốn, đảm bảo sự kiểm soát thường trực việc quản lý công ty (Điều L. 226-9).

*Thứ hai, công ty hợp vốn cổ phần là sự kết hợp ưu điểm của công ty hợp vốn đơn giản và công ty cổ phần*

Công ty hợp vốn cổ phần mang ưu điểm của công ty hợp vốn đơn giản thể hiện ở mặt công ty hợp vốn cổ phần có hai loại thành viên: Thành viên hợp danh có tư cách thương nhân,

chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với các khoản nợ của công ty, tất cả các thành viên hợp danh đều có quyền đại diện cho công ty và tham gia quản lý công ty; Thành viên góp vốn (cổ đông) không có tư cách thương nhân, chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn góp vào công ty, không có quyền đại diện cho công ty và không được tham gia quản lý công ty.

Công ty hợp vốn cổ phần mang ưu điểm của công ty cổ phần được thể hiện trong loại hình công ty hợp vốn cổ phần ở việc công ty có quyền phát hành cổ phần để huy động vốn. Cổ đông công ty có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, chính đặc điểm này làm cho công ty hợp vốn cổ phần linh hoạt trong việc huy động vốn để hoạt động kinh doanh.

*Thứ ba, công ty hợp vốn cổ phần có tư cách pháp nhân*

Công ty hợp vốn cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ khi được thành lập hợp pháp. Khi tham gia các quan hệ pháp luật, công ty hợp vốn cổ phần là một chủ thể pháp luật độc lập, phát sinh các quyền và nghĩa vụ cho chính công ty, chứ không phải cho các chủ sở hữu công ty. Theo quy định tại điều 74 Bộ luật dân sự 2015 thì pháp nhân *“có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình. Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập”*. Khi tham gia quan hệ tổ tụng, công ty hợp vốn cổ phần là bị đơn hoặc nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trước trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến công ty.

*Thứ tư, công ty hợp vốn cổ phần có quyền phát hành chứng khoán*

Vốn điều lệ của công ty được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần, được tự do chuyển nhượng. Một trong những ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần là *“có thể huy động vốn dễ dàng hơn, nhờ vào việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu”* [8]. Trên cơ sở đặc điểm của công ty hợp vốn cổ phần được quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn, có thể dẫn đến quy mô của công ty có thể rất lớn, tương tự như loại hình công ty cổ phần.

*Thứ năm, cơ cấu tổ chức của công ty hợp vốn cổ phần có sự khác biệt*

Cơ cấu tổ chức của công ty hợp vốn cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (ở Pháp gọi là đại hội thành viên); Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Trong đó: *Đại hội đồng cổ đông* là cơ quan có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của công ty, bao gồm tất cả các thành viên hợp danh và cổ đông công ty. *Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc* là người quản lý công ty, do thành viên hợp danh đảm nhiệm. Thẩm quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc được pháp luật quy định hoặc được quy định trong điều lệ của công ty. *Ban giám sát* bao gồm các cổ đông của công ty, thực hiện chức năng giám sát hoạt động của những người quản lý. Thành viên hợp danh không được tham gia vào ban kiểm soát.

### *1.3. Các ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần với các loại hình doanh nghiệp khác*

Mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau đều tạo ra cho các chủ sở hữu những ưu điểm và những hạn chế nhất định, các nhà kinh doanh khi lựa chọn loại hình doanh nghiệp nào đều xem xét, đánh giá để lựa chọn phù hợp với sở thích, hoàn cảnh và hướng phát triển trong tương lai. Nguyên nhân dẫn đến các ưu, nhược điểm của mỗi loại hình doanh nghiệp, bởi sự hình thành các loại hình doanh nghiệp được hình thành dựa trên sự kết hợp của những yếu tố như: “*tu cách pháp nhân, chế độ trách nhiệm, mối quan hệ giữa các thành viên, và việc huy động vốn*” [9], để tạo lên các loại hình doanh nghiệp khác nhau.

#### *+ Ưu điểm so với công ty hợp danh*

So với các quy định về công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp hiện hành, thì công ty hợp vốn cổ phần có nhiều điểm tương đồng. Tuy vậy, vẫn có những điểm khác biệt tạo nên những ưu điểm, như:

*Một là*, vốn điều lệ của công ty hợp vốn cổ phần được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần, được tự do chuyển nhượng. Còn trong công ty hợp danh vốn điều lệ được chia theo tỷ lệ phần vốn của các thành viên.

*Hai là*, Công ty hợp vốn cổ phần có quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn. Vì vậy, về quy mô, thay đổi thành viên (đặc biệt là thành viên góp vốn) rất dễ dàng, việc huy động vốn linh hoạt. Còn công ty hợp danh thường có quy mô nhỏ, việc chuyển nhượng phần vốn góp cũng khó khăn hơn.

#### *+ Ưu điểm so với doanh nghiệp tư nhân*

Có thể kể đến những ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần so với doanh nghiệp tư nhân ở những khía cạnh sau:

*Thứ nhất, về tính liên kết trong doanh nghiệp*: Công ty hợp vốn cổ phần được thành lập dựa trên sự liên kết giữa hai hoặc nhiều thành viên. Sự liên kết giữa các thành viên khác nhau phụ thuộc vào loại thành viên là thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn. Công ty là nơi có “*sự gặp nhau giữa vốn - được góp bởi thành viên hợp vốn, và ý tưởng - được góp bởi thành viên hợp danh*” [10]. Loại hình công ty này tạo lên lợi thế rất lớn trong quá trình hoạt động kinh doanh, bởi sự đóng góp, sự liên kết của các thành viên.

Trong khi đó, doanh nghiệp tư nhân là loại hình doanh nghiệp một chủ sở hữu. Loại hình doanh nghiệp này phù hợp với quy mô kinh doanh nhỏ, khép kín của nhà đầu tư, bởi không có sự liên kết, hợp tác với người khác, đồng thời không phân tán được rủi ro cho chủ sở hữu khi doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Nếu chủ sở hữu muốn huy động người khác tham gia là thành viên của công ty thì phải chuyển đổi hình thức pháp lý sang loại hình doanh nghiệp khác.

*Thứ hai, về trách nhiệm tài sản của chủ sở hữu doanh nghiệp*: Trong công ty hợp vốn cổ phần, trách nhiệm tài sản của chủ sở hữu phụ thuộc vào chủ sở hữu là thành viên hợp danh hay thành viên góp vốn. Nếu là thành viên hợp danh, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với nghĩa vụ của công ty. Nếu chủ sở hữu là thành viên góp vốn, chủ sở hữu chỉ phải chịu trách nhiệm tài sản trong phạm vi giá trị cổ phần mà mình sở hữu đối với các khoản nợ của công ty.

Trong doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm cá nhân và

vô hạn về các khoản nợ của doanh nghiệp tư nhân. Vì thế, tạo ra rủi ro rất lớn cho chủ sở hữu, kể cả trong đối với các tài sản của chủ sở hữu không được chủ sở hữu đưa vào kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân.

*Thứ ba, về tài sản của doanh nghiệp:* Công ty hợp vốn cổ phần có sự tách bạch về tài sản giữa công ty và chủ sở hữu. Khi thành lập hoặc tham gia góp vốn, thì các thành viên phải chuyển quyền sở hữu tiền hoặc các tài sản khác để công ty sở hữu.

Đối với doanh nghiệp tư nhân không có sự tách bạch giữa tài sản của doanh nghiệp tư nhân và chủ sở hữu. “*Tài sản được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của chủ doanh nghiệp tư nhân không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp*” (khoản 2, Điều 35 Luật Doanh nghiệp 2014). Trong quá trình hoạt động của loại hình doanh nghiệp tư nhân tỏ ra kém hiệu quả, thiếu an toàn cho chủ sở hữu.

*Thứ tư, về tư cách pháp lí của doanh nghiệp:* Công ty hợp vốn cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ khi được thành lập hợp pháp. Đối với doanh nghiệp tư nhân, thì loại hình doanh nghiệp này không có tư cách pháp nhân. Khi tham gia các quan hệ pháp luật dân sự với tư cách cá nhân của chủ sở hữu. Hơn nữa, theo quy định: “*Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp*” [khoản 3, Điều 185 Luật Doanh nghiệp 2014].

*Thứ năm, về tư cách đại diện cho doanh nghiệp:* Trong công ty hợp vốn cổ phần, tất cả các thành viên hợp danh đều có tư cách đại diện, nhân danh cho công ty tham gia các quan hệ với bên thứ ba. Đặc điểm này giống quy định về thành viên hợp danh của công ty hợp danh. Tuy vậy, đối với doanh nghiệp tư nhân, thì chủ sở hữu là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Chính điều này cũng tạo ra nhiều bất lợi cho loại hình doanh nghiệp tư nhân trong nhiều trường hợp phát sinh.

*Thứ sáu, về cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:* Công ty hợp vốn cổ phần có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan

quyền lực nhất trong công ty, bao gồm toàn bộ các chủ sở hữu của công ty; Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc chỉ bao gồm những thành viên hợp danh tham gia; Ban giám sát chỉ bao gồm các thành viên góp vốn. Như vậy, cơ cấu của công ty hợp vốn cổ phần mang tính linh hoạt, có sự giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan trong công ty.

Trong loại hình doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Có thể nhận thấy, về cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp tư nhân phụ thuộc hoàn toàn vào chủ sở hữu doanh nghiệp, thiếu tính linh hoạt, thiếu tính an toàn khi chỉ có chủ sở hữu có quyền quyết định tất cả mọi vấn đề của doanh nghiệp.

#### + Ưu điểm so với công ty cổ phần

Hai loại hình công ty này có những đặc điểm pháp lí tương đồng như vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau - được gọi là cổ phần. Cổ phần được chuyển nhượng tự do và có thể được giao dịch trên thị trường chứng khoán. Vì vậy, về cơ bản quy mô của hai loại hình công ty này có thể rất lớn bao gồm nhiều cổ đông. Tuy vậy, công ty hợp vốn cổ phần có những ưu điểm so với công ty hợp danh có thể kể đến như: chế độ chịu trách nhiệm của chủ sở hữu; về cơ cấu tổ chức nội bộ công ty.

*Về chế độ chịu trách nhiệm của chủ sở hữu công ty:* công ty hợp vốn cổ phần là loại hình bao gồm thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Đối với thành viên hợp danh chịu chế độ chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với khoản nợ của công ty. Các thành viên hợp danh phải có sự tin tưởng hay quen biết chặt chẽ với nhau. Chính ưu điểm này, giúp công ty hợp vốn cổ phần có nhiều lợi thế, trong đó là khả năng huy động vốn vay hoặc hoãn nợ, bởi tính chịu trách nhiệm vô hạn là sự bảo đảm an toàn.

*Về cơ cấu tổ chức nội bộ của công ty:* Công ty hợp vốn cổ phần có cơ cấu tổ chức, điều hành trong nội bộ công ty thường được pháp luật của các quốc gia quy định không chặt chẽ

giống như công ty cổ phần. Nội dung pháp luật quy định ràng buộc đó là thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của công ty. Cơ cấu tổ chức của công ty hợp vốn cổ phần thường đơn giản hơn đối với công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn.

*+ Ưu điểm so với công ty trách nhiệm hữu hạn*

Công ty hợp vốn cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn (bao gồm hai loại hình: Một thành viên và hai thành viên trở lên) có những đặc điểm giống và khác nhau. Các ưu điểm của công ty hợp vốn cổ phần có thể kể đến như: i) Về chế độ chịu trách nhiệm tài sản của chủ sở hữu; ii) Chuyển nhượng vốn góp và thay đổi thành viên mới; iii) Khả năng huy động vốn của doanh nghiệp.

*Thứ nhất, về chế độ chịu trách nhiệm tài sản của chủ sở hữu:* Công ty hợp vốn cổ phần có các chủ sở hữu liên kết với nhau dựa trên cả yếu tố đối nhân và đối vốn. Chính đặc điểm này tạo ra sự tin tưởng, đảm bảo tính an toàn cho các đối tác của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn cũng có sự kết hợp các đặc tính của công ty đối nhân và công ty đối vốn. Tuy vậy, đặc tính đối vốn thể hiện rõ nét hơn, bởi tính chịu trách nhiệm hữu hạn của các chủ sở hữu. Các chủ sở hữu chịu trách nhiệm tài sản trong phạm vi phần vốn góp vào công ty đối với nghĩa vụ trả nợ của công ty.

*Thứ hai, chuyển nhượng vốn góp và thay đổi thành viên mới:* Trong công ty hợp vốn cổ phần có hai loại thành viên. Đối với thành viên hợp danh việc chuyển nhượng cổ phần của mình và thay đổi thành viên hợp danh khá bị hạn chế bởi chế độ chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với khoản nợ của công ty. Nhưng đối với thành viên góp vốn có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, giống như cổ đông trong công ty cổ phần.

Trong khi đó, các thành viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn muốn chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người không phải là thành viên công ty là khá hạn chế. Trước tiên phải chào bán cho các thành viên còn lại, nếu không thành viên nào mua hoặc mua không hết

mới có quyền chuyển nhượng cho người không phải là thành viên công ty.

*Thứ ba, khả năng huy động vốn:* Công ty hợp vốn cổ phần có thể phát hành cổ phần ra công chúng, vì thế việc huy động vốn trong quá trình kinh doanh là rất dễ dàng, đặc tính này chỉ có công ty cổ phần trong pháp luật hiện nay có được. Cổ phần của công ty cũng có thể được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn việc huy động vốn là khó khăn hơn. Do sự hạn chế trong số lượng thành viên công ty, do vậy việc kết nạp thành viên mới cũng bị giới hạn. Công ty chỉ có quyền phát hành trái phiếu khi đáp ứng các điều kiện của pháp luật.

## **2. Sự phát triển của công ty hợp vốn cổ phần trên thế giới và ở Việt Nam**

### *2.1. Sự phát triển của công ty hợp vốn trên thế giới*

Ở Pháp, công ty hợp vốn cổ phần là hình thức rất được thịnh hành vào khoảng thời gian từ 1807 đến 1905 ở Pháp và tạo nên cơn sốt được các nhà đầu tư ưu tiên lựa chọn vào thời bấy giờ. Công ty hợp vốn cổ phần giống công ty hợp vốn đơn giản ở chỗ có hai loại thành viên: thành viên nhận vốn chịu trách nhiệm vô hạn trên tài sản của chính họ, và các thành viên xuất vốn chỉ chịu trách nhiệm trên phần vốn góp của họ, nhưng các cổ phần thì như trong các công ty vô danh, có thể chuyển giao và chuyển nhượng được.

Đánh giá vị trí pháp lí của công ty hợp vốn cổ phần so với các loại hình công ty khác được quy định trong Luật 1867 của Pháp, có học giả trong nước đã nhận định rằng: “*Trong pháp luật của Pháp, chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần rất quan trọng trong luật 1867, khi quy định ngay về công ty hợp tư cổ phần trong thiên một, sau đó thiên hai, mới quy chiếu các điều khoản ở trong thiên trước để áp dụng cho công ty vô danh*” [11].

Công ty hợp vốn cổ phần được quy định từ Điều L. 226-1 đến Điều L.226-24 trong Bộ luật thương mại Pháp. Đồng thời, những quy

định liên quan đến công ty cổ phần và công ty hợp vốn đơn giản được áp dụng cho công ty hợp vốn cổ phần với điều kiện là những quy định đó phù hợp với những quy định đặc thù của Điều L. 226-1 và các điều tiếp theo (khoản 1 Điều L.226-1).

Công ty hợp vốn cổ phần xuất hiện ở Đức vào thế kỷ XIX, trước khi được Bộ luật Thương mại Đức ban hành năm 1861. Theo đó, công ty hợp vốn cổ phần “là một công ty đại chúng trong một phiên bản đầu tiên của Bộ luật Thương mại Đức và được coi là có tư cách pháp nhân” [12]. Theo quy định hiện hành, công ty hợp vốn cổ phần được quy định cụ thể từ điều 278 đến điều 290 Luật Công ty Cổ phần có hiệu lực ngày 06 tháng 9 năm 1965. Phần lớn những vấn đề của công ty hợp vốn cổ phần được áp dụng các quy định của Luật công ty cổ phần (quy định những vấn đề cơ bản về công ty cổ phần như: thành lập, tổ chức quản lý công ty cổ phần, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông...), ngoài ra, còn áp dụng một phần các quy định về công ty hợp vốn đơn giản. Việc, phát hành cổ phần để huy động vốn của công chúng được tuân theo các quy định của pháp luật chứng khoán.

Hiện nay, có rất nhiều các quốc gia trên thế giới quy định về công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật, tiêu biểu một số nước và có tên gọi như: Ở Pháp: société en commandite par actions - SCA; Ở Đức: Kommanditgesellschaft Aktien (KGaA); Ở Italia Società in Accomandita per Azioni, in brief “SAPA”; Ở Luxembourg: Société en commandite par actions, SCA; Ở Ba Lan: spółka komandytowo-akcyjna.

Như vậy, công ty hợp vốn cổ phần được pháp luật các nước quy định từ rất sớm và cho đến nay, loại hình công ty vẫn là một sự lựa chọn của nhà đầu tư để thành lập doanh nghiệp.

## 2.2. Công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật Việt Nam

Ở Việt Nam, pháp luật công ty châu Âu đã được người Pháp đem đến Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20, vì thế, pháp luật công ty của Việt Nam đã bị ảnh hưởng lớn bởi mô hình luật công ty châu Âu. Luật Thương

mại Pháp được áp dụng trên từng vùng lãnh thổ khác nhau của Việt Nam. Các hình thức công ty như trong luật thương mại của Pháp đã xuất hiện trong các Bộ luật thời Pháp thuộc như Dân luật thi hành tại các tòa án Nam Bắc kì 1931 và Bộ luật Dân sự Trung kì, Bộ luật thương mại Trung Kì 1942.

Công ty hợp vốn cổ phần trong Dân luật Bắc Kì được áp dụng thi hành tại các Tòa Nam án Bắc kì 1931, đạo luật này chia các hội buôn thành hai loại: *Hội người* là do ở lòng tin cậy của các hội viên đối lẫn với nhau mà lập ra gồm: *Hội hợp danh (công ty hợp danh), hội hợp tư (công ty hợp vốn đơn giản) và hội đồng lợi; Hội vốn* là hội không xét đến người, các hội viên có thể tự do nhường phần của mình, bao gồm: *hội vô danh (công ty cổ phần) và hội hợp cổ (công ty hợp vốn cổ phần đơn giản)*. Theo điều 1265 quy định về hội hợp cổ (công ty hợp vốn cổ phần): “Trong hội hợp cổ, thì các cổ đông là phải xuất vốn, chỉ phải chịu trách nhiệm đến ngang phần vốn của mình mà thôi, còn những hội viên thụ tư thì phải đem tất cả tài sản mình mà cùng nhau chịu trách nhiệm liên đới về cả công nợ của hội. Vốn hội được chia làm nhiều phần gọi là cổ phần”.

Đến năm 1942, Bộ luật Thương mại Trung kì 1942 và chế độ Sài Gòn tiếp tục áp dụng cho đến khi Bộ luật Thương mại Sài Gòn 1972 có hiệu lực, thì hội hợp tư cổ phần tiếp tục được ghi nhận từ điều 236 đến điều 294. Bộ luật Thương mại Sài Gòn 1972 quy định: “*Hội hợp tư cổ phần gồm có một hay nhiều hội viên thụ tư liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi trái khoản của hội và những hội viên xuất tư chỉ chịu trách nhiệm trong giới hạn phần hùn của mình dưới hình thức cổ phần*” (Điều 236) [13].

Sau khi thống nhất đất nước, nền kinh tế Việt Nam bước vào thời kì kinh tế kế hoạch (còn được gọi là nền kinh tế kế hoạch tập trung hoặc nền kinh tế chỉ huy) là một nền kinh tế trong đó nhà nước kiểm soát toàn bộ các yếu tố sản xuất và giữ quyền quyết định việc sử dụng các yếu tố sản xuất cũng như phân phối về thu nhập. Trong một nền kinh tế mà chỉ bao gồm hai thành phần kinh tế chủ yếu là quốc doanh và tập thể, do đó các loại hình công ty

không phát triển, nhà nước không ban hành Luật Công ty.

Đến năm 1990, Quốc hội ban hành Luật Công ty, trong đó chỉ quy định hai loại hình công ty: *Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần*. Đến Luật Doanh nghiệp 1999 quy định việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp: *công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (do một tổ chức làm chủ sở hữu), công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân*. Đến Luật doanh nghiệp thống nhất năm 2005, quy định thêm loại hình công ty trách nhiệm một thành viên (do cá nhân làm chủ sở hữu). Luật doanh nghiệp hiện hành được ban hành năm 2014 và có hiệu lực từ 01/7/2015 vẫn giữ nguyên các loại hình doanh nghiệp này.

Như vậy, sau khi nước ta thống nhất đất nước, loại hình công ty hợp vốn cổ phần không được Luật công ty và các Luật doanh nghiệp 1999, 2005, 2014.

### 3. Sự cần thiết của việc xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần ở Việt Nam

#### 3.1. Đáp ứng nhu cầu của thực tiễn kinh doanh ở Việt Nam

Các hình thức doanh nghiệp khác nhau ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu liên kết của các nhà đầu tư mong muốn thông qua các hoạt động kinh doanh nhằm tìm kiếm lợi nhuận và chia sẻ những rủi ro gặp phải. Khi mà nền kinh tế ngày càng phát triển, những nhà đầu tư luôn luôn đòi hỏi những mối liên kết mới, ưu việt hơn, tránh rủi ro hơn. Vì vậy, khi lựa chọn loại hình doanh nghiệp, các nhà đầu tư cần xem xét đến “*hình thức pháp lý của doanh nghiệp có ảnh hưởng quyết định đến cấu trúc bên trong, chế độ quản trị và giới hạn trách nhiệm của doanh nghiệp*” [14].

Trong thực tiễn kinh doanh, xuất phát từ việc “*có một số người có vốn nhưng pháp luật không cho phép họ kinh doanh, hoặc một số người có vốn song không có năng lực kinh*

*doanh. Bên cạnh đó lại có những người có trình độ kinh doanh muốn nhảy ra làm ăn nhưng không có vốn. Vì vậy họ đã gặp nhau và lập nên những công ty hợp tư cổ phần*” [15]. Và sự đa dạng của các loại hình doanh nghiệp được pháp luật ghi nhận, sẽ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư được quyền lựa chọn các loại hình doanh nghiệp khác nhau để thành lập, dựa trên sự khác nhau về tính chất liên kết của chủ sở hữu. Ngoài ra, “*mỗi loại hình đều có những ưu và nhược điểm riêng*” [16]. Một số nhà đầu tư lựa chọn loại hình doanh nghiệp này vì lý do rất hiển nhiên là “*để giữ vững quyền kiểm soát công ty bằng cách ngăn cản những người ngoài. Chỉ có họ duy nhất có quyền được mua lại các cổ phần của các thành viên sáng lập*” [17].

Các loại hình doanh nghiệp được thành lập nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu đầu tư và kinh doanh đa dạng của hoạt động kinh doanh và tạo điều kiện, khuyến khích nhà đầu tư bỏ vốn vào đầu tư. Có thể nói, “*sự ra đời, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp xuất phát từ những nhu cầu khách quan của nền kinh tế và là kết quả của việc thực hiện nguyên tắc tự do kinh doanh, tự do giao kết hợp đồng và tự do lập hội*” [18]. Mặt khác, sự đa dạng của các loại hình doanh nghiệp hình thành trên cơ sở sự khác nhau về tính chất liên kết, chế độ trách nhiệm của các thành viên công ty.

Hiện nay, các loại hình doanh nghiệp được pháp luật Việt Nam ghi nhận là công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ hợp tác. Ngoài ra, các nhà đầu tư không thể lựa chọn các loại hình doanh nghiệp khác. Điều này trái ngược với thực tiễn đời sống kinh doanh của nhà đầu tư, khi mà các loại hình doanh nghiệp chỉ thích ứng với những ngành nghề nhất định, thì việc giao thoa giữa các loại hình doanh nghiệp đã có để tạo ra các loại hình mới là một xu hướng tất yếu và là tiền đề hoàn thiện quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư. “*Các nhà đầu tư rất muốn có sự lựa chọn tương đối rộng rãi về loại hình doanh nghiệp và khả năng chuyển đổi dễ dàng từ loại hình doanh nghiệp, phương thức kinh doanh đã chọn sang một loại hình doanh nghiệp và*



*phương thức kinh doanh khác khi cần phải thích nghi với những thay đổi của nền kinh tế...” [19].*

Việc đa dạng các loại hình doanh nghiệp sẽ đáp ứng nhu cầu khác nhau tùy thuộc vào khả năng và điều kiện của từng nhà đầu tư. Đây cũng là xu hướng chung của các hệ thống pháp luật thế giới nhằm dự liệu, điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp có thể phát sinh trong thực tiễn. Có thể thấy, *“mỗi loại hình doanh nghiệp đều có những đặc điểm kinh tế, pháp lý và rủi ro kinh doanh không giống nhau, có khi đối lập nhau”* [20]. Trong lịch sử ra đời các loại hình công ty cho thấy rằng, các công ty cổ phần ra đời là sự sáng tạo của các thương nhân trước nhu cầu của thực tiễn kinh doanh ở các nước có nền kinh tế thị trường.

### 3.2. Nhu cầu và đòi hỏi của quá trình phát triển và hội nhập kinh tế hiện nay ở Việt Nam

Trong nền kinh tế thị trường của các nước phát triển, các loại hình doanh nghiệp tồn tại dưới nhiều hình thức rất phong phú và đa dạng, là cơ sở pháp lý cho các nhà kinh doanh có nhiều cơ hội lựa chọn hình thức doanh nghiệp phù hợp.

Ở Việt Nam, suốt hơn ba thập kỷ qua, các nhà làm luật Việt Nam đã du nhập và tiếp nhận vào pháp luật Việt Nam những loại hình doanh nghiệp phổ biến trên thế giới. Nhìn chung, pháp luật về công ty của Việt Nam đã đi theo những chuẩn mực được thừa nhận trên thế giới như về tư cách pháp nhân độc lập, chế độ trách nhiệm hữu hạn của thành viên của các loại hình công ty, các quy tắc quản trị công ty. Tuy nhiên, việc Luật doanh nghiệp hiện hành chỉ quy định về những hình thức doanh nghiệp được coi là phổ biến, đã làm hạn chế sự tự do của các nhà đầu tư trong việc lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh.

Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ chính trị đã xác định rõ “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về sở hữu, quyền tự do kinh doanh. Hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”. Hiến pháp năm 2013, quyền tự do kinh doanh được tiếp cận theo

hướng “công dân được làm những gì pháp luật không cấm”, thay vì “công dân được phép làm những gì pháp luật cho phép”. Đây là sự thay đổi quan trọng về nội dung trong cách tiếp cận về quyền tự do kinh doanh của công dân. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra đối với công dân là có thể lựa chọn loại hình doanh nghiệp không có trong Luật Doanh nghiệp hay không? Câu trả lời chắc chắn là không, bởi các loại hình doanh nghiệp không được pháp luật quy định, không có cơ sở pháp lý điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp chưa được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Một trong những chức năng quan trọng của Luật Doanh nghiệp là hỗ trợ và khuyến khích các nhà đầu tư huy động thêm vốn đầu tư, mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh, bảo hộ lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, việc mở rộng các loại hình doanh nghiệp hơn nữa mà không làm hại đến lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích Nhà nước, thì cần thiết phải bổ sung vào Luật Doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam. Hơn nữa, *“các hình thức công ty cũng không thể là vô hạn”* [20], bởi các yếu tố tạo ra các loại hình công ty khác nhau là số hữu hạn. *“Sự đa dạng và phong phú đó tạo cho nhà kinh doanh có nhiều cơ hội lựa chọn cho mình hình thức doanh nghiệp thích hợp, tạo điều kiện họ thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh của mình”* [21].

Loại hình công ty hợp vốn cổ phần là một sự kết hợp giữa các đặc điểm nổi bật của công ty hợp danh và công ty cổ phần với nhau. Vì vậy, nhu cầu bổ sung loại hình công ty hợp vốn cổ phần vào trong pháp luật Việt Nam là hết sức cần thiết, bởi pháp luật phải theo kịp thời đòi sống xã hội và phải mang tính dự báo, linh hoạt và định hướng cho sự phát triển của nền kinh tế trong tương lai.

### 3.3. Đáp ứng nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp

Công ty là một loại hình doanh nghiệp rất quan trọng và phổ biến trong nền kinh tế thị trường, các loại hình công ty ra đời là một nhu cầu tất yếu của đời sống kinh doanh, khi các nhà đầu tư muốn liên kết lại với nhau để tạo ra sức mạnh, lợi thế trong các hoạt động

kinh doanh của mình. Vì thế việc tạo môi trường pháp lí hoàn thiện, đầy đủ nhằm thúc đẩy các loại hình công ty phát triển, đồng thời phát huy được các thế mạnh của mỗi loại hình doanh nghiệp.

Xuất phát từ bản chất, thấy rằng “*công ty là một hợp đồng, và cũng như mọi sự thỏa thuận, không chỉ làm phát sinh các ý chí và các nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết, mà còn tạo nên một pháp nhân mới*” [23]. Bất kì nhà nước nào, xã hội nào cũng phải tôn trọng, ghi nhận những sáng tạo của con người, bởi chỉ có sáng tạo mới có làm hiệu quả tốt, mới đưa ra nhiều sản phẩm vật chất. Trong đó, việc sáng tạo ra các loại hình doanh nghiệp mới để thực hiện các hoạt động kinh doanh phải được khuyến khích phát triển, với mục tiêu phát triển nền kinh tế xã hội trong một môi trường bình đẳng, lành mạnh. Mỗi loại hình doanh nghiệp có những đặc điểm mà pháp luật phải điều chỉnh riêng biệt.

Mặc khác, pháp luật về các loại hình doanh nghiệp là một ngành luật tư, do đó, pháp luật xác định và điều chỉnh các quyền lợi tư và chủ yếu giải thích cho ý chí của các chủ thể có địa vị ngang bằng, bình đẳng với nhau. Khi các chủ thể cùng nhau thành lập một loại hình doanh nghiệp nào đó thì phải tự chịu rủi ro trong quá trình hoạt động và nhiệm vụ của nhà nước là ghi nhận và điều chỉnh những rủi ro có thể phát sinh, đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia. Về nguyên tắc họ có quyền lựa chọn loại hình công ty được pháp luật quy định hoặc được sáng tạo ra loại hình công ty mới. Vai trò của pháp luật là dự liệu các loại hình có thể phát sinh trong thực tiễn để ghi nhận và tạo cơ sở pháp lí hoặc pháp luật phải được xây dựng theo hướng mở để tôn trọng và ghi nhận sự sáng tạo ra các loại hình công ty mới của nhà đầu tư để phù hợp hoàn cảnh, mong muốn của họ trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Một hệ thống pháp luật doanh nghiệp phải thể hiện sự nhanh nhạy, cập nhật và nhạy bén với xu thế và các vấn đề kinh tế - xã hội sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của các thành phần trong nền kinh tế. “*Kinh nghiệm của Đức với mô hình kinh tế thị trường xã hội được minh họa như một sân bóng mà trong đó xã hội là*

*sân bóng, các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội là các cầu thủ và Nhà nước đóng vai trò là trọng tài bảo đảm cho trận đấu diễn ra theo luật, tránh những vi phạm hoặc thiệt hại. Nhà nước can thiệp đúng lúc và ở mức độ hợp lí, thích hợp với môi trường, phù hợp và tương thích với các quy luật của thị trường*” [24].

Bởi, “*chức năng của luật công ty, suy cho cùng là khuyến khích mọi người dân đầu tư vốn, tham gia kinh doanh*” [25]. Hơn nữa, nếu “*việc hạn chế quyền tự do lựa chọn hình thức đầu tư của các thương nhân mà không có lí do chính đáng từ phía cộng đồng là điều bất hợp lí*” [26]. Khi xem xét các vai trò của pháp luật về các loại hình doanh nghiệp đối với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, thể hiện những khía cạnh sau:

*Thứ nhất, vai trò ghi nhận của pháp luật:* Thông qua các quy định pháp luật, Nhà nước thừa nhận hoặc ghi nhận những nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường như: tự do sở hữu, tự do kinh doanh, tự do hợp đồng, tự do cạnh tranh... Những quy định pháp luật phải ghi nhận và tạo điều kiện để những nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

*Thứ hai, vai trò quy định địa vị pháp lí của các chủ thể trong nền kinh tế:* Bằng các quy định pháp luật, Nhà nước quy định địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh (chủ yếu là các loại hình công ty). Nhà nước đưa ra các quy định pháp luật, một mặt đảm bảo, thúc đẩy cho các chủ thể được quyền thực hiện cơ bản được pháp luật ghi nhận, mặt khác còn đảm bảo việc quản lí của nhà nước trong quá trình hoạt động của các chủ thể. Nếu không có pháp luật nhằm xác định một cách rõ ràng địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh, thì các chủ thể này sẽ không thể thiết lập các quan hệ phát sinh trong nền kinh tế thị trường.

*Thứ ba, vai trò tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, trật tự và an toàn cho các chủ thể kinh doanh:* Nhà nước quy định về địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh còn tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh. Các chủ thể kinh doanh là các

doanh nghiệp cùng điều chỉnh bởi các quy định chung thống nhất với nhau. Ngoài ra, bằng các quy định về các biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động của các chủ thể, đã góp phần bảo đảm một môi trường trật tự và an toàn, trừng trị các hành vi xâm hại các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, của cộng đồng và của Nhà nước.

*Thứ tư, vai trò khuyến khích các nhà đầu tư tham gia tích cực các hoạt động kinh doanh nhằm phát triển nền kinh tế thị trường:* Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, việc hoàn thiện pháp luật về công ty ở Việt Nam phải dựa trên cơ sở tiếp thu một cách có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật của các nước có nền kinh tế phát triển. Bằng việc thúc đẩy các quyền cơ bản của công dân như: tự do sở hữu, tự do ý chí và tự do kinh doanh, Nhà nước sẽ tạo điều kiện tham gia hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập các loại hình doanh nghiệp. Việc pháp luật quy định đa dạng các loại hình doanh nghiệp, sẽ tạo điều kiện và đảm bảo cho các nhà đầu tư tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp với nhu cầu, định hướng kinh doanh nhất định của mình.

Như vậy, các quy định pháp luật công ty ra đời một mặt đảm bảo cơ sở pháp lý cho sự phát triển của các loại hình công ty thuộc nhiều các thành phần kinh tế khác nhau, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mặt khác, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho những người có tài sản đầu tư vào kinh doanh, thu hút nguồn vốn trong nhân dân để đưa vào kinh doanh. Luật công ty là cơ sở pháp lý đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho công dân theo quy định của Hiến pháp.

#### **4. Những kiến nghị về việc xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần trong pháp luật Việt Nam**

Việc xây dựng chế định về công ty hợp vốn cổ phần để bổ sung vào trong Luật Doanh nghiệp hiện hành cũng như bất kì xây dựng một chế định hoặc một văn bản quy phạm pháp luật nào khác đều phải được thực hiện trên cơ sở

của nhiều hoạt động và của nhiều chủ thể có thẩm quyền trong bộ máy Nhà nước. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tham gia vào quá trình xây dựng dự thảo, sửa đổi bổ sung các quy định pháp luật về liên quan đến chế định công ty hợp vốn cổ phần cần thiết phải thực hiện các hoạt động sau:

##### *4.1. Cần thiết phải nghiên cứu pháp luật các quốc gia điều chỉnh loại hình công ty hợp vốn cổ phần*

Việc nghiên cứu pháp luật các nước có quy định về loại hình công ty hợp vốn cổ phần để đưa ra các kinh nghiệm về bản chất, đặc điểm pháp lý và những nội dung cần thiết phải quy định về công ty hợp vốn cổ phần bổ sung vào Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Các hệ thống pháp luật quy định của các quốc gia quy định về loại hình công ty hợp vốn cổ phần có sự khác nhau, tên gọi khác nhau nhưng về khái niệm, về đặc điểm pháp lý và các vấn đề pháp lý cơ bản đều có sự tương đồng, đồng nhất với nhau. Vì thế, việc nghiên cứu kinh nghiệm, hoàn cảnh ra đời và lý do ghi nhận trong quy định pháp luật của các quốc gia là điều hết sức cần thiết và có ý nghĩa để làm cơ sở, tiền đề cho những đề xuất, cho hoạt động xây dựng dự thảo, kiến nghị các chính sách liên quan pháp luật về các loại hình doanh nghiệp nói chung và các quy định về loại hình công ty hợp vốn cổ phần nói riêng khi bổ sung vào Luật Doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam và phát huy hiệu quả cho các hoạt động của chủ thể kinh doanh ở khía cạnh vi mô và đáp ứng nhu cầu, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội ở khía cạnh vĩ mô.

##### *4.2. Nghiên cứu, phân tích và khảo sát những yêu cầu và sự cần thiết của thực tiễn đời sống kinh doanh trong quá trình xây dựng chế định công ty hợp vốn cổ phần*

Các cơ quan nhà nước trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao phải nghiên cứu, phân tích nhu cầu của thực tiễn bằng việc điều tra, phân tích, tổng hợp nhu cầu của thực tiễn để xây dựng những nội dung cơ bản của chế định

về công ty hợp vốn cổ phần trong Luật Doanh nghiệp và nhu cầu sửa đổi, bổ sung các chế định khác được quy định trong Luật Doanh nghiệp. Mục đích của hoạt động này nhằm việc đề xuất sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Ví như, rất nhiều nhà nghiên cứu luật học đề xuất phải tách chế định công ty hợp danh trong Luật Doanh nghiệp hiện hành trở thành hai chế định quy định hai loại hình doanh nghiệp: *Công ty hợp danh* và *Công ty hợp vốn đơn giản*. Việc tách thành hai loại trên dựa trên bản chất pháp lý khác nhau của hai loại hình và dựa trên kinh nghiệm pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều quy định hai loại hình công ty khác nhau chứ không gộp lại như quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam.

#### 4.3. Kiến nghị việc nghiên cứu, phân tích thói quen thương mại, tâm lý kinh doanh của người Việt Nam ảnh hưởng đến việc xây dựng chế định công ty hợp vốn cổ phần

Một trong những thuộc tính cơ bản của pháp luật đó là tính dân tộc thể hiện hệ thống pháp luật kinh tế của một quốc gia phụ thuộc vào phong tục tập quán, truyền thống kinh doanh, thói quen thương mại hay tâm lý kinh doanh ở Việt Nam. Bởi lẽ, “*các mô hình tổ chức kinh doanh là cách thức mà xã hội tổ chức các hoạt động kinh tế của mình, chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các yếu tố văn hóa, tôn giáo, thói quen và triết lý sống*” [27].

Vì thuộc tính này của pháp luật, nên khi xây dựng một chế định pháp luật hoặc một văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thể lấy nguyên văn quy định pháp luật của một nước cụ thể. Bởi lẽ sẽ không hiệu quả khi không phản ánh được thực tiễn đời sống, thực tiễn kinh doanh ở Việt Nam. “*Luật pháp của mỗi quốc gia không những phải phản chiếu trung thực tất cả các điều kiện xã hội hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là các điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa v.v... mà còn phải phù hợp với tinh thần và truyền thống dân tộc*” [28].

#### 4.4. Kiến nghị mô hình chế định công ty hợp vốn cổ phần thích hợp trong pháp luật Việt Nam

Việc bổ sung loại hình công ty này trong pháp luật Việt Nam có thể được xem xét trên các mô hình như sau:

*Mô hình 1:* Xây dựng một luật riêng quy định về công ty hợp vốn cổ phần.

*Mô hình 2:* Xây dựng Luật công ty hợp danh: bao gồm các loại hình: công ty hợp danh, công ty hợp vốn đơn giản và công ty hợp vốn cổ phần.

*Mô hình 3:* Bổ sung chế định công ty hợp vốn cổ phần vào quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Tuy vậy, trong ba mô hình trên, *mô hình 1* và *mô hình 2* nhận thấy có nhiều vấn đề tồn tại và hạn chế, không phù hợp với hướng hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam. Mặc khác, gây khó khăn trong quá trình thực thi pháp luật, các loại hình doanh nghiệp khác nhau áp dụng quy định pháp luật khác nhau.

Chỉ có *mô hình 3* là bổ sung chế định công ty hợp vốn cổ phần vào trong quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, có nhiều ưu việt và đảm bảo tính thống nhất của pháp luật, sự bình đẳng của các loại hình doanh nghiệp. Qua đó, vừa tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng các quy định pháp luật và vừa phù hợp với hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật doanh nghiệp.

#### 4.5. Quá trình xây dựng chế định công ty hợp vốn cổ phần phải dựa trên sự phù hợp, thống nhất, toàn diện các quy định pháp luật liên quan

Quá trình xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn cổ phần phải được dựa trên các quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần thiết phải thực hiện việc đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định chính sách đối với môi trường kinh doanh và nhà đầu tư.

Việc bổ sung loại hình công ty hợp vốn cổ phần vào trong nội dung của Luật Doanh nghiệp, sẽ ảnh hưởng đến các quy định khác của Luật Doanh nghiệp và các Luật chuyên

ngành liên quan. Sự ảnh hưởng có thể kể đến là phạm vi và đối tượng điều chỉnh thay đổi, các khái niệm, nội dung liên quan đến các loại hình công ty nói chung hoặc nhóm các công ty có đặc điểm giống nhau phải thay đổi phù hợp với việc bổ sung công ty hợp vốn cổ phần.

Trong quá trình soạn thảo phải xem xét các văn bản pháp luật liên quan khác để tránh sự không thống nhất, chông chéo gây khó khăn trong công tác thực thi pháp luật trong thực tiễn. Bởi, công ty hợp vốn cổ phần là sự kết hợp những đặc điểm pháp lý của công cổ phần và công ty hợp vốn đơn giản, do vậy, ở nhiều quốc gia các quy định về công ty hợp vốn cổ phần được dẫn chiếu áp dụng chung một số quy định của công ty cổ phần, một số quy định của công ty hợp vốn đơn giản. Do vậy, khi xây dựng các quy định về loại hình công ty hợp vốn cổ phần trong Luật Doanh nghiệp phải dựa trên việc sửa đổi, bổ sung đồng bộ, thống nhất các quy định pháp luật liên quan, tránh sự chông chéo, mâu thuẫn.

**Tóm lại**, việc bổ sung loại hình công ty hợp vốn cổ phần vào trong Luật Doanh nghiệp sẽ đáp ứng được nhu cầu lựa chọn loại hình doanh nghiệp của nhà đầu tư và thể hiện sự linh hoạt của Luật Doanh nghiệp khi ghi nhận việc giao thoa giữa các loại hình doanh nghiệp để tạo ra các loại hình doanh nghiệp mới là một xu hướng tất yếu và là tiền đề hoàn thiện và mở rộng quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư. Đồng thời, nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh nói chung và phát triển các loại hình doanh nghiệp nói riêng.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Martin Schulz và Oliver Wasmeier (2012), *The Law of Business Organizations: A Concise Overview of German Corporate Law*, Nhà xuất bản Springer.
- [2] German Stock Corporation Act 1965.
- [3] Commercial Code France 1807.
- [4] Luxembourg Companies Act 1915, amends and modernises 2016.
- [5] Commercial Companies Code Poland 2000.
- [6] Francis Lemeunier (1993), *Nguyên lý và thực hành luật thương mại, luật kinh doanh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. trang 223-224.
- [7] Francis Lemeunier (1993), *Nguyên lý và thực hành luật thương mại, luật kinh doanh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. trang 170.
- [8] Lê Minh Phiếu (2006), “Các loại hình doanh nghiệp phổ biến ở Pháp”, *Tạp chí khoa học pháp lý số 4 (35)*, TP Hồ Chí Minh.
- [9] Ngô Huy Cương (2001), “Công ty: Từ bản chất pháp lý tới các loại hình”, *Tạp chí Khoa học Kinh tế - Luật*, Tập XIX, (1), Hà Nội.
- [10] Lê Minh Phiếu (2006), “Các loại hình doanh nghiệp phổ biến ở Pháp”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý số 4 (35)*, Tp. Hồ Chí Minh.
- [11] Lê Tài Triển, Nguyễn Vạng Thọ, Nguyễn Tân (1972), *Luật Thương mại Việt Nam diễn giải*, Quyền II, Sài Gòn.
- [12] Frank Wooldridge (2010), *The German Kommanditgesellschaft auf Aktien (limited partnership with shares)*, *Tạp chí Amicus Curiae Issue*,(83). Trang 29-32.
- [13] Bộ luật Thương mại Sài Gòn năm 1972.
- [14] Phan Thị Thanh Thủy (2015), “Hình thức pháp lý doanh nghiệp xã hội: Kinh nghiệm nước Anh và một số gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Luật học*, tập 31, số 4, Hà Nội. Trang 56-64.
- [15] Đoàn Văn Trường (1996), *Thành lập, tổ chức và điều hành hoạt động công ty cổ phần*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. Trang 21.
- [16] Max Weber (2003), *The History of Commercial Partnership in the Middle Ages*, Nhà xuất bản Rowman & Littlefield publishers.
- [17] Đoàn Văn Trường (1996), *Thành lập, tổ chức và điều hành hoạt động công ty cổ phần*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. Trang 22.
- [18] Lê Thị Kim Thanh (2008), *Giáo trình Pháp luật kinh tế*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội. Trang 48
- [19] Bùi Ngọc Cường (2002), “Vai trò của pháp luật kinh tế trong việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý số 7*, Tp. Hồ Chí Minh.
- [20] Nguyễn Như Phát (2016), “Quyền tự do thành lập doanh nghiệp theo Hiến pháp”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 10 (342)*.
- [21] Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình Luật Thương mại: phần chung và thương nhân*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Trang 159.
- [22] Nguyễn Thị Thu Vân (2008), *Một số vấn đề về công ty và hoàn thiện pháp luật về công ty ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Trang 144.

- [23] Francis Lemeunier (1993), Nguyên lí và thực hành luật thương mại, luật kinh doanh”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Trang 164.
- [24] Nguyễn Văn Giàu, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đình Cung (CIEM) (2016), Thể chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới, Trung tâm Thông tin - Tư liệu (CIEM), Hà Nội. Trang 235-236.
- [25] Phạm Duy Nghĩa (2011), Giáo trình Luật kinh tế (tái bản lần ba), NXB Công an Nhân dân. Trang 162.
- [26] Ngô Huy Cương (2013), Giáo trình Luật Thương mại: phần chung và thương nhân, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Trang 200.
- [27] Phạm Duy Nghĩa (2011), Giáo trình Luật kinh tế (tái bản lần ba), NXB Công an Nhân dân. Trang 185.
- [28] Vũ Văn Mẫu (1973), Cổ luật Việt Nam và Tư pháp sử, quyển 1 - tập 1, Sài Gòn. Trang 5.

## Necessity of Building Regulation on the Partnership Limited by Shares in Vietnam

Nguyen Van Lam

*Hanoi University of Science and Technology, No 1 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The emergence and development of companies that make a significant contribution to the market economy and the freedom of doing business. Therefore, legal regulations on business types are always central to the business law system of each country. Studies have shown the current state of the Vietnamese law in which the regulations on types of enterprises do not cover the types of companies that have been born and developed in the world and have historically existed in the Vietnamese law. In particular, the type of partnership limited by shares has been legally forgotten in the current regulations. The article analyzes and explains the necessity of establishing regulation on the partnership limited by shares as a supplement to the existing Vietnamese law.

*Keywords:* Partnership limited by shares, law on enterprise, freedom of business.